

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ khu công nghiệp IDICO (IDICO-ISC) là đơn vị vận hành khu công nghiệp (KCN) Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 5, Mỹ Xuân A, Phú Mỹ II, Phú Mỹ II mở rộng, Hựu Thạnh và Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ.

Hiện nay, IDICO-ISC đang có kế hoạch lựa chọn đơn vị lấy mẫu các chỉ tiêu quan trắc, phân tích chất lượng môi trường tại KCN Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 5, Mỹ Xuân A, Phú Mỹ II, Phú Mỹ II mở rộng, Hựu Thạnh và Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ năm 2025. Theo đó, IDICO-ISC kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Thông tin chung:

1. Tên gói thầu: Lấy mẫu các chỉ tiêu quan trắc, phân tích chất lượng môi trường tại KCN Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 5, Mỹ Xuân A, Phú Mỹ II, Phú Mỹ II mở rộng, Hựu Thạnh và Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ năm 2025.

2. Địa điểm thực hiện:

- KCN Nhơn Trạch 1: KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- KCN Nhơn Trạch 5: KCN Nhơn Trạch 5, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- KCN Mỹ Xuân A: KCN Mỹ Xuân A, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- KCN Phú Mỹ II: KCN Phú Mỹ II, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- KCN Phú Mỹ II mở rộng: KCN Phú Mỹ II mở rộng, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- KCN Hựu Thạnh: KCN Hựu Thạnh, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
- Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ: KCN Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

II. Yêu cầu về năng lực của đơn vị cung cấp:

- Đơn vị chào giá phải cung cấp tài liệu chứng minh có đủ năng lực hoạt động và có ngành nghề đăng ký phù hợp với công việc theo đúng quy định (đính kèm Hồ sơ năng lực).
- Đơn vị chào giá có giấy chứng nhận Vimecert, Villas (hoặc giấy tờ tương

đương khác) phù hợp với nội dung thực hiện. Khi đơn vị phân tích không thể thực hiện một số chỉ tiêu nhất định và phải liên kết với thầu phụ khác có đủ chức năng phân tích, thì cần cung cấp Hợp đồng liên kết với thầu phụ.

III. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Khối lượng mời chào giá: Xem Phụ lục đính kèm.

- Đơn vị chào giá thực hiện theo đúng các yêu cầu tại Phụ lục đính kèm. Trường hợp đơn vị chào giá không thực hiện đúng yêu cầu nêu trên thì hồ sơ chào giá coi như là không hợp lệ và hồ sơ chào giá sẽ bị loại.

2. **Đơn giá:** Đơn giá trong bảng giá chào đã bao gồm các chi phí liên quan trong quá trình lấy mẫu bao gồm chai (lọ) chứa mẫu, chất bảo quản mẫu và lưu trữ đúng theo quy định.

3. Thời gian hiệu lực báo giá: tối thiểu 60 ngày (kể từ ngày đơn vị báo giá).

IV. Hình thức gửi báo giá:

- Gửi bản scan qua email tiếp nhận chào giá: linh.h@idicoisc.com.vn. Nội dung email cần nêu rõ “Tên gói thầu” tham gia chào giá.

- Gửi bản gốc về địa chỉ Văn phòng IDICO-ISC tại tầng 3, toà nhà IDICO-URBIZ, khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (để lưu trữ hồ sơ).

V. Thời hạn nộp hồ sơ báo giá:

- Đối với bản scan nộp qua email: Trước 14h00’ ngày 25/04/2025.

- Đối với bản gốc nộp về Công ty: Trước 14h00’ ngày 28/04/2024 (để lưu trữ hồ sơ).

VI. **Thông tin liên hệ:** Chị Hồ Như Ý- Tổ Đấu thầu, điện thoại: 0985.566.799
Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng,

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Lưu VPTH, KTKT.



Vũ Đình Thành

PHỤ LỤC

(Đính kèm Thông báo số 40.../TB-ISC ngày 23/4/2025)

TT	Chỉ tiêu phân tích	ĐVT	Khối lượng dự kiến (ĐVT/năm)	Đơn giá trước thuế (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
I	Nước thải					
KCN Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 5, Mỹ Xuân A, Phú Mỹ II, Phú Mỹ II mở rộng và Hựu Thạnh						
1	Nhiệt độ	Mẫu	120			
2	pH	Mẫu	254			
3	Độ mặn**	Mẫu	04			
4	Màu	Mẫu	242			
5	COD	Mẫu	296			
6	BOD5	Mẫu	296			
7	Chất rắn lơ lửng	Mẫu	198			
8	Asen	Mẫu	140			
9	Thủy ngân	Mẫu	96			
10	Chì	Mẫu	140			
11	Cadimi	Mẫu	140			
12	Crom (VI)	Mẫu	176			
13	Crom (III)	Mẫu	140			
14	Đồng	Mẫu	234			
15	Kẽm	Mẫu	152			
16	Niken	Mẫu	152			
17	Mangan	Mẫu	218			
18	Sắt	Mẫu	210			
19	Tổng Xianua	Mẫu	140			
20	Tổng Phenol	Mẫu	246			
21	Tổng dầu mỡ khoáng	Mẫu	150			
22	Sulfua	Mẫu	203			
23	Florua	Mẫu	230			
24	Amoni (tính theo N)	Mẫu	96			
25	Tổng Nito	Mẫu	300			
26	Tổng Phospho (tính theo P)	Mẫu	300			
27	Clorua	Mẫu	278			
28	Clo dư	Mẫu	40			
29	Coliform	Mẫu	62			

TT	Chỉ tiêu phân tích	ĐVT	Khối lượng dự kiến (ĐVT/năm)	Đơn giá trước thuế (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
30	Tổng PCB*	Mẫu	182			
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	Mẫu	96			
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo vô cơ	Mẫu	82			
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α^*	Mẫu	62			
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β^*	Mẫu	38			
II	Bùn thải					
KCN Nhơn Trạch 5, Mỹ Xuân A (mỗi nhà máy 12 mẫu)						
<i>A</i>	<i>Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối</i>					
1	Asen	Mẫu	24			
2	Bari	Mẫu	24			
3	Bạc	Mẫu	24			
4	Cadimi	Mẫu	24			
5	Chì	Mẫu	24			
6	Coban	Mẫu	24			
7	Kẽm	Mẫu	24			
8	Niken	Mẫu	24			
9	Selen	Mẫu	24			
10	Thủy Ngân	Mẫu	24			
11	Crom VI	Mẫu	24			
12	Tổng Xyanua ***	Mẫu	24			
13	Tổng dầu	Mẫu	24			
14	Phenol*	Mẫu	24			
15	Benzen*	Mẫu	24			
16	Clobenzen*	Mẫu	24			
17	Toluen*	Mẫu	24			
18	Naptalen*	Mẫu	24			
<i>B</i>	<i>Nồng độ ngâm chiết</i>					
1	pH	Mẫu	24			
2	Asen	Mẫu	24			
3	Bari	Mẫu	24			
4	Bạc	Mẫu	24			
5	Cadimi	Mẫu	24			

267
TNE
SH
VU
NG
CO
T.

TT	Chỉ tiêu phân tích	ĐVT	Khối lượng dự kiến (ĐVT/năm)	Đơn giá trước thuế (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
6	Chì	Mẫu	24			
7	Coban	Mẫu	24			
8	Kẽm	Mẫu	24			
9	Niken	Mẫu	24			
10	Selen	Mẫu	24			
11	Thủy Ngân	Mẫu	24			
12	Crom VI	Mẫu	24			
13	Tổng dầu	Mẫu	24			
14	Phenol*	Mẫu	24			
15	Benzen*	Mẫu	24			
16	Clobenzen*	Mẫu	24			
17	Toluen*	Mẫu	24			
III	Nước sạch theo chỉ tiêu B					
Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ						
1	Độ cứng	Mẫu	18			
2	TDS	Mẫu	18			
3	Chỉ số Pecmanganat	Mẫu	18			
4	Amôni (NH4+ tính theo N)	Mẫu	18			
5	Nitrit (NO2- tính theo N)	Mẫu	18			
6	Nitrat (NO3- tính theo N)	Mẫu	18			
7	Sulfat (SO42-)	Mẫu	18			
8	Sunfua (H2S)	Mẫu	18			
9	Clorua (Cl-)	Mẫu	18			
10	Florua (F-)	Mẫu	18			
11	Xyanua (CN-)	Mẫu	18			
12	Tổng Phenol *	Mẫu	18			
13	Sắt (Fe)	Mẫu	18			
14	Chì (Pb)	Mẫu	18			
15	Mangan (Mn)	Mẫu	18			
16	Natri (Na)	Mẫu	18			
17	Thủy ngân (Hg)	Mẫu	18			
18	Cadimi (Cd)	Mẫu	18			
19	Đồng (Cu)	Mẫu	18			

TT	Chỉ tiêu phân tích	ĐVT	Khối lượng dự kiến (ĐVT/năm)	Đơn giá trước thuế (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
20	Kẽm (Zn)	Mẫu	18			
21	Tổng Crom (Cr)	Mẫu	18			
22	Niken (Ni)	Mẫu	18			
23	Nhôm (Al)	Mẫu	18			
24	Selen (Se)	Mẫu	18			
25	Antimon (Sb)	Mẫu	18			
26	Bari (Ba)	Mẫu	18			
27	Bor (B)	Mẫu	18			
28	Bromat*	Mẫu	18			
29	2.4.6 Triclorophenol*	Mẫu	18			
30	Benzen*	Mẫu	18			
31	Toluen*	Mẫu	18			
32	Xylen*	Mẫu	18			
33	Ethylbenzen*	Mẫu	18			
34	Styren*	Mẫu	18			
35	Monocloramin*	Mẫu	18			
36	Vinyl clorua (*)	Mẫu	18			
37	Acrylamide*	Mẫu	18			
38	Epichlorhydrin*	Mẫu	18			
39	Hydroxyatrazine*	Mẫu	18			
40	Clorotoluron*	Mẫu	18			
41	Permethrin*	Mẫu	18			
42	Monochloroacetic acid content(*)	Mẫu	18			
43	1.2-Dichloroeten*	Mẫu	18			
44	Trichloroeten(*)	Mẫu	18			
45	Tetrachloroeten(*)	Mẫu	18			
46	1.2 - Dicloropropan(*)	Mẫu	18			
47	1.3 - Dichloropropen(*)	Mẫu	18			
48	1.2-Dibromo-3 Cloropropan(*)	Mẫu	18			
49	Hexachloro butadien(*)	Mẫu	18			
50	Formaldehyd(*)	Mẫu	18			
51	Acid dichloroacetic(*)	Mẫu	18			

TT	Chỉ tiêu phân tích	ĐVT	Khối lượng dự kiến (ĐVT/năm)	Đơn giá trước thuế (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
52	Acid trichloroaxetic(*)	Mẫu	18			
53	Molinate(*)	Mẫu	18			
54	Alachlor(*)	Mẫu	18			
55	Aldicarb(*)	Mẫu	18			
56	Carbofuran(*)	Mẫu	18			
57	Clodane(*)	Mẫu	18			
58	Trifluralin(*)	Mẫu	18			
59	DDT(*)	Mẫu	18			
60	Methoxychlor(*)	Mẫu	18			
61	Carbotetraclorua(*)	Mẫu	18			
62	Diclorometan(*)	Mẫu	18			
63	1.1.1 - Trichloroetan(*)	Mẫu	18			
64	1.2-Dichloroetan(*)	Mẫu	18			
65	Chlorpyrifos(*)	Mẫu	18			
66	2.4 - D(*)	Mẫu	18			
67	2.4 DB(*)	Mẫu	18			
68	Dichloprop(*)	Mẫu	18			
69	Fenoprop(*)	Mẫu	18			
70	Mecoprop(*)	Mẫu	18			
71	MCPA(*)	Mẫu	18			
72	Isoproturon(*)	Mẫu	18			
73	Pendimetalin(*)	Mẫu	18			
74	Propanil(*)	Mẫu	18			
75	Simazine(*)	Mẫu	18			
76	Cyanazine(*)	Mẫu	18			
77	Atrazine(*)	Mẫu	18			
78	1.2 - Dichlorobenzen(*)	Mẫu	18			
79	Monoclorobenzen(*)	Mẫu	18			
80	Trichlorobenzen(*)	Mẫu	18			
81	Dibromochloromethane(*)	Mẫu	18			
82	Bromodichloromethane(*)	Mẫu	18			
83	Bromoform(*)	Mẫu	18			
84	Chloroform(*)	Mẫu	18			

TT	Chỉ tiêu phân tích	ĐVT	Khối lượng dự kiến (ĐVT/năm)	Đơn giá trước thuế (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
85	Dicloroaxetonitril(*)	Mẫu	18			
86	Dibromoaxetonitril(*)	Mẫu	18			
87	Tricloroaxetonitril(*)	Mẫu	18			
88	Thực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)	Mẫu	18			
89	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	Mẫu	18			
90	Tổng hoạt độ α(*)	Mẫu	18			
91	Tổng hoạt độ β(*)	Mẫu	18			
IV	Nước thải					
Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ						
1	pH	Mẫu	12			
2	BOD	Mẫu	12			
3	COD	Mẫu	12			
4	TSS	Mẫu	12			
5	Tổng Nito	Mẫu	12			
6	Tổng Photpho	Mẫu	12			
7	Fe	Mẫu	12			
8	Amoni	Mẫu	12			
9	Tổng dầu mỡ khoáng	Mẫu	12			
10	Clo dư	Mẫu	12			
V	Không khí					
Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ						
1	Nhiệt độ	Mẫu	06			
2	Áp suất	Mẫu	06			
3	Độ ẩm	Mẫu	06			
4	Tốc độ gió	Mẫu	06			
5	Tiếng ồn	Mẫu	06			
6	Ánh sáng	Mẫu	06			
7	Bụi lơ lửng tổng số	Mẫu	06			
8	SO2	Mẫu	06			
9	NO2	Mẫu	06			
10	CO	Mẫu	06			

TT	Chỉ tiêu phân tích	ĐVT	Khối lượng dự kiến (ĐVT/năm)	Đơn giá trước thuế (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
VI	Nước dưới đất					
Nhà máy nước ngầm Tuy Hạ						
1	pH	Mẫu	64			
2	Tổng Coliform	Mẫu	64			
3	Nitrate (NO ₃ - tính theo Nito)	Mẫu	64			
4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo Nito)	Mẫu	64			
5	Chỉ số permanganat	Mẫu	64			
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Mẫu	64			
7	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	Mẫu	64			
8	Arsenic (As)	Mẫu	64			
9	Chloride (Cl ⁻)	Mẫu	64			
10	Nitrite (NO ₂ - tính theo Nito)	Mẫu	64			
11	Fluoride (F ⁻)	Mẫu	64			
12	Sulfate (SO ₄ ²⁻)	Mẫu	64			
13	Cadmi (Cd)	Mẫu	64			
14	Cyanide (CN ⁻)	Mẫu	64			
15	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	Mẫu	64			
16	Chì (Plumbum) (Pb)	Mẫu	64			
17	Tổng Chromi (Cr)	Mẫu	64			
18	Đồng (Cuprum) (Cu)	Mẫu	64			
19	Kẽm (Zincum) (Zn)	Mẫu	64			
20	Nickel (Ni)	Mẫu	64			
21	Mangan (Mn)	Mẫu	64			
22	Sắt (Ferrum) (Fe)	Mẫu	64			
23	Seleni (Se)	Mẫu	64			
24	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	Mẫu	64			
25	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Mẫu	64			
26	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Mẫu	64			
27	E. Coli	Mẫu	64			
28	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)	Mẫu	64			
29	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	Mẫu	64			
30	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)	Mẫu	64			

261 - C
TNHH
NH VIỆ
VỤ
NGHIỆ
CO
T. ĐOY

TT	Chỉ tiêu phân tích	ĐVT	Khối lượng dự kiến (ĐVT/năm)	Đơn giá trước thuế (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
31	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)	Mẫu	64			
32	Heptachlor & Heptachlorepoxyde (C10H5Cl7 & C10H5Cl7O)	Mẫu	64			
33	Diazinon (C12H21N2O3PS)	Mẫu	64			
34	Parathion (C10H14NO5PS)	Mẫu	64			
35	Trichloroethylene (CH2Cl3)	Mẫu	64			
36	Tetrachloroethylene PCE (C2Cl4)	Mẫu	64			
37	1,1,1-trichloroethylene (C2H3Cl3)	Mẫu	64			
38	Benzene (C6H6)	Mẫu	64			
39	Toluene (C6H5CH3)	Mẫu	64			
40	Ethylbenzene (C8H10)	Mẫu	64			
41	Xylene (C6H4(CH3)2)	Mẫu	64			
VII Các chi phí khác						
1	Nhân công và vận chuyển (Đồng Nai)	Chuyển	28			Nước ngầm: 04 chuyển/năm, 02 NM nước thải: 24 chuyển/năm
2	Nhân công và vận chuyển (Bà Rịa – Vũng Tàu)	Chuyển	16			MXA: 12 chuyển/năm PMII: 04 chuyển/năm
3	Nhân công và vận chuyển (Long An)	Chuyển	04			
Cộng giá trị trước thuế						
Thuế GTGT						
Tổng cộng giá trị sau thuế						

* **Ghi chú:** Đề nghị đơn vị chào giá theo đúng mẫu trên (điền vào cột đơn giá, thành tiền,)